

Kính gửi: Quý nhà cung cấp

Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh kính mời các đơn vị có đủ năng lực và kinh nghiệm cung cấp hóa chất – vật tư xét nghiệm theo yêu cầu dưới đây vui lòng gửi hồ sơ chào giá cho Bệnh viện theo nội dung cụ thể như sau:

1. Tên dự toán: Mua sắm hóa chất – vật tư xét nghiệm bổ sung năm 2025 – 2026;
2. Phạm vi cung cấp: chi tiết theo phụ lục đính kèm;
3. Thời gian cung cấp hàng hóa, dịch vụ: 18 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực
4. Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định;
5. Địa điểm thực hiện: Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh;
6. Hiệu lực của hồ sơ chào giá: tối thiểu 06 tháng;
7. Yêu cầu về giá chào: giá chào đã bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí theo luật định, chi phí vận chuyển, giao hàng và các yêu cầu khác của bên mời thầu.
8. Thời gian nhận hồ sơ chào giá: trước ~~16~~ giờ, ngày 08/07/2025
9. Quy định về tiếp nhận hồ sơ chào giá:
 - Gửi báo giá online qua website: <https://bvdaihoc.com.vn/Home/ViewList/31>;
 - Gửi bản giấy có ký tên, đóng dấu về địa chỉ sau đây: Phòng Vật tư thiết bị, Tầng 4, Khu A, Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh – Cơ sở 1, số 215 Đường Hồng Bàng, Phường Chợ Lớn, Thành phố Hồ Chí Minh
- Người liên hệ: Nguyễn Thị Phương Thảo Số điện thoại: 028.3952.6452
10. Yêu cầu khác:

Hồ sơ chào giá của nhà thầu bao gồm các tài liệu sau:

 - + Thư chào giá, bảng báo giá của nhà thầu (có ký tên, đóng dấu);
 - + Hợp đồng trúng thầu còn hiệu lực đối với các mặt hàng đã trúng thầu tại các cơ sở y tế (nếu có);
 - + Tài liệu kỹ thuật của hàng hóa.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc (để báo cáo);
- Đơn vị Quản lý Đấu thầu (để đăng tin);
- Lưu: VT, VTTB (J25-001-ntpthao)(02)

**TUQ. GIÁM ĐỐC
TRƯỞNG PHÒNG VẬT TƯ THIẾT BỊ**



Nguyễn Hữu Thịnh



Handwritten signature

PHỤ LỤC PHẠM VI CUNG CẤP VÀ YÊU CẦU KỸ THUẬT
(Đính kèm Công văn số:/BVĐHYD-VTTB ngày... ..tháng... ..năm 2025)

DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ					
STT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
1	Hóa chất xét nghiệm định lượng Cortisol	*Hóa chất xét nghiệm định lượng Cortisol trong huyết thanh, huyết tương và nước tiểu dựa trên phương pháp xét nghiệm miễn dịch hóa phát quang, hạt thuận từ. *Dải phân tích: từ 0.5 ± 0.1 đến 59 ± 1 $\mu\text{g/dL}$	Test	31.400	X
2	Hóa chất xét nghiệm bán định lượng CMV IgG	*Hóa chất xét nghiệm bán định lượng kháng thể IgG kháng Cytomegalovirus (CMV) trong huyết thanh/huyết tương người dựa trên phương pháp xét nghiệm miễn dịch hóa phát quang (CLIA). *Dải đo: từ 8 ± 1 đến 400 ± 0.1 AU/mL	Test	500	X
3	Hóa chất kiểm chuẩn mức 3 cho các xét nghiệm miễn dịch đo độ đục	*Hóa chất kiểm chuẩn là sản phẩm từ huyết thanh người, chứa các thành phần có nguồn gốc từ người. *Hóa chất kiểm chuẩn mức 3 cho các xét nghiệm miễn dịch: α -1 Acidglycoprotein; α -1 Antitrypsin; ASO; β -2 Microglobulin; Ceruloplasmin; C3; C4; CRP; CRP Latex; Ferritin; Haptoglobin; IgA; IgG; IgM; Prealbumin; RF Latex; Transferrin.	mL	72	X
4	Hóa chất xét nghiệm định lượng VZV IgG	*Hóa chất xét nghiệm định lượng kháng thể IgG đặc hiệu với virus Varicella-zoster trong huyết thanh/huyết tương người dựa trên phương pháp xét nghiệm miễn dịch hóa phát quang (CLIA). *Dải đo: 10 ± 0.01 đến 4.000 ± 0.9 mIU/m	Test	600	X
5	Hóa chất kiểm chuẩn cho các xét nghiệm kháng Phospholipid	*Hóa chất kiểm chuẩn cho các xét nghiệm: Anti-Cardiolipin IgG/IgM, Anti- β 2 Glycoprotein-I IgG/IgM. *Gồm 2 mức nồng độ thấp và cao, chứa kháng thể IgG và IgM kháng Phospholipid.	mL	36	X
6	Hóa chất xét nghiệm định lượng NH3	*Hóa chất xét nghiệm định lượng Amoniac trong huyết tương. *Phương pháp: sử dụng NADPH-Glutamate Dehydrogenase. *Giới hạn phát hiện: ≥ 26 $\mu\text{mol/L}$	mL	3.672	X
7	Hóa chất xét nghiệm đo tải lượng HBV bằng phương pháp RT-PCR	*Hóa chất xét nghiệm định lượng DNA của virus gây viêm gan B (HBV) trong huyết thanh/huyết tương người bằng phương pháp RT-CPR. *Khoảng tuyến tính: từ 7 ± 0.2 IU/mL đến 2 tỷ ± 20 IU/mL. *Giới hạn phát hiện (LOD) trong huyết thanh và huyết tương là ≤ 10.5 IU/mL. *Độ đặc hiệu tổng: 100% *Tỉ lệ nhiễm chéo giữa mẫu dương tính và âm tính khi phân tích là 0%	Test	2.880	X

DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ					
STT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
8	Bộ hóa chất chuẩn bị mẫu xét nghiệm PCR (HPV, CT, NG, TV, MG)	*Hóa chất sử dụng để tách các acid nucleic từ các mẫu sinh học để phân tích trong các xét nghiệm PCR. *Thành phần tối thiểu gồm: • Đệm tách rửa chứa Tween 20 và nước mức sinh học phân tử không có nuclease và protease. • Vi hạt từ tính trong dung dịch Guanidine Hydrochloride	mL	3.800	X
9	Hóa chất xét nghiệm định lượng Vancomycin	*Hóa chất xét nghiệm định lượng Vancomycin trong huyết thanh/huyết tương. *Phương pháp: đo độ đục miễn dịch *Khoảng tuyến tính: 0.97 - 69 $\mu\text{mol/L}$ *Giới hạn phát hiện (LOD): $\leq 0.6 \mu\text{g/mL}$	Test	9.200	X
10	Hóa chất xét nghiệm định lượng Calcium	*Hóa chất xét nghiệm định lượng Canxi trong huyết thanh/huyết tương/nước tiểu người. *Phương pháp: Arsenazo III *Khoảng tuyến tính: 1 ± 0.1 đến $24 \pm 1 \text{ mg/dL}$ (mẫu huyết thanh/huyết tương); 0.7 ± 0.1 đến $24 \pm 1 \text{ mg/dL}$ (mẫu nước tiểu). *Giới hạn phát hiện (LOD): $\leq 0.7 \text{ mg/dL}$ (mẫu huyết thanh/huyết tương); $\leq 0.3 \text{ mg/dL}$ (mẫu nước tiểu).	Test	32.000	X
11	Hóa chất xét nghiệm định lượng Triglyceride	*Hóa chất xét nghiệm định lượng Triglyceride trong huyết thanh/huyết tương người. *Phương pháp: Glycerol Phosphate Oxidase *Khoảng tuyến tính: $5 \pm 0.1 \text{ mg/dL}$ đến $1500 \pm 5 \text{ mg/dL}$ *Ngưỡng phát hiện (LOD): $\leq 2 \text{ mg/dL}$	Test	20.000	X
12	Hóa chất kiểm chuẩn các thông số nước tiểu mức bất thường	*Hóa chất kiểm chuẩn các thông số nước tiểu mức bất thường; có các thành phần Microscopics. *Hiệu chuẩn xác định định tính và bán định lượng sử dụng cho các xét nghiệm hóa lý (tỉ trọng, pH, tính thẩm thấu), hóa học (protein, glucose, bilirubin, cetone,...) và cho phân tích cặn lắng nước tiểu người.	mL	720	
13	Hóa chất kiểm chuẩn các thông số nước tiểu mức bình thường	*Hóa chất kiểm chuẩn các thông số nước tiểu mức bình thường; có các thành phần Microscopics. *Hiệu chuẩn xác định định tính và bán định lượng sử dụng cho các xét nghiệm hóa lý (tỉ trọng, pH, tính thẩm thấu), hóa học (protein, glucose, bilirubin, cetone,...) và cho phân tích cặn lắng nước tiểu người.	mL	720	
14	Hóa chất xét nghiệm định tính HEV IgM bằng phương pháp Elisa	*Hóa chất xét nghiệm xác định kháng thể IgM của virus viêm gan E trong huyết thanh/huyết tương người bằng phương pháp miễn dịch enzyme (ELISA). *Thành phần tối thiểu gồm: • Khay 96 giếng, được phủ kháng nguyên tái tổ hợp đặc hiệu với HEV. • Chứng âm; chứng dương; đệm rửa đậm đặc; chất tạo màu/cơ chất • Enzyme liên hợp chứa Horseradish Peroxidase liên hợp kháng thể đa dòng để kháng IgM người.	Test	1.440	X

DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ

STT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
15	Hóa chất xét nghiệm định lượng Aldosterone bằng phương pháp Elisa	*Hóa chất xét nghiệm định lượng trực tiếp Aldosterone trong huyết thanh/huyết tương/nước tiểu người bằng phương pháp miễn dịch enzyme (ELISA). *Thành phần tối thiểu gồm: • Khay 96 giếng, được phủ bằng kháng thể kháng Aldosterone (đơn dòng). • Enzyme liên hợp chứa Aldosterone liên hợp với Horseradish Peroxidase. • Dung dịch chất nền, dung dịch rửa, dung dịch dừng...	Test	1.344	X
16	Hóa chất xét nghiệm định lượng FT4	*Hóa chất xét nghiệm định lượng Thyroxine tự do (FT4) trong huyết thanh/huyết tương người dựa trên phương pháp miễn dịch điện hóa phát quang (ECLIA). *Nguyên lý xét nghiệm: nguyên lý cạnh tranh *Khoảng đo: 0.5 - 100 pmol/L *Quy cách đóng gói: Hộp ≤ 200 test	Test	3.400	X
17	Hóa chất xét nghiệm định lượng PTH	*Hóa chất xét nghiệm định lượng PTH trong huyết thanh/huyết tương người dựa trên phương pháp miễn dịch điện hóa phát quang (ECLIA). *Nguyên lý xét nghiệm: nguyên lý bắt cặp *Khoảng đo: 0.254 - 530 pmol/L	Test	3.300	X
18	Hoá chất xét nghiệm định lượng TG	*Hoá chất xét nghiệm định lượng Thyroglobulin trong huyết thanh/huyết tương người dựa trên phương pháp miễn dịch điện hoá phát quang (ECLIA). *Nguyên lý xét nghiệm: nguyên lý bắt cặp *Khoảng đo: 0.04 ± 0.005 đến 500 ± 0.5 ng/mL	Test	6.000	X
19	Hóa chất xét nghiệm định tính và bán định lượng các đột biến của gen EGFR	*Hóa chất xét nghiệm RT-PCR để phát hiện định tính các đột biến xác định của gen thụ thể yếu tố tăng trưởng biểu mô (EGFR) ở bệnh nhân ung thư phổi không tế bào nhỏ (NSCLC), trong DNA tách chiết từ các mẫu mô khối u đã được cố định formalin vùi trong paraffin (FFPET) hoặc DNA khối u tuần hoàn tự do (cfDNA) trong huyết tương. *Xét nghiệm bán định lượng các đột biến ở các exon 18,19,20 và 21 của gen EGFR. *Thành phần tối thiểu gồm: EGFR Master Mix 1; EGFR Master Mix 2; EGFR Master Mix 3; Magnesium Acetate; Mẫu chứng đột biến EGFR; Chất pha loãng mẫu DNA.	Test	120	X
20	Hóa chất xét nghiệm định lượng FT3	*Hóa chất xét nghiệm định lượng Triiodothyronine tự do trong huyết thanh/huyết tương người dựa trên phương pháp miễn dịch điện hóa phát quang (ECLIA). *Nguyên lý xét nghiệm: nguyên lý cạnh tranh *Khoảng đo: $0.7 \pm 0,1$ đến 49 ± 1 pmol/L *Quy cách đóng gói: Hộp ≤ 200 test	Test	3.400	X

DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ					
STT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
21	Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng 6 thông số khí máu và điện giải	*Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng 6 thông số khí máu và điện giải, hiệu chuẩn các điện cực pH, PCO ₂ , Na ⁺ , K ⁺ , Ca ²⁺ và Cl ⁻ .	mL	374.400	X
22	Thẻ sàng lọc và xác định kháng thể nhóm máu ABO	*Thẻ sàng lọc và xác định kháng thể nhóm máu ABO theo quy trình ngưng kết trực tiếp. *Thành phần tối thiểu gồm: 6 cột dung dịch đệm chứa albumin bò và chất tăng cường phản ứng đại phân tử, Axít Ethylenediaminetetraacetic, chất bảo quản...	Test	7.200	X
23	Dung dịch bảo dưỡng máy định nhóm máu	*Dung dịch bảo dưỡng hàng ngày cho máy định nhóm máu. *Thành phần tối thiểu gồm: huyết thanh bò, muối vô cơ và chất bảo quản.	mL	480	X
24	Hóa chất xét nghiệm định tính Toxoplasma Gondii bằng phương pháp RT-PCR	*Hóa chất xét nghiệm định tính Toxoplasma Gondii bằng phương pháp RT-PCR. *Mẫu bệnh phẩm: máu ngoại vi, mẫu sinh thiết, dịch não tủy, dịch ối... *Độ nhạy: ≤ 400 copies/mL *Gen mục tiêu: Rep529	Test	150	X
25	Hóa chất xét nghiệm định tính Parvovirus B19 bằng phương pháp RT-PCR	*Hóa chất xét nghiệm định tính Parvovirus B19 bằng phương pháp RT-PCR. *Mẫu bệnh phẩm: huyết tương, dịch ối, mẫu đờm, mẫu phết... *Độ nhạy: ≤ 200 copies/mL *Gen mục tiêu: VP1	Test	150	X
26	Hóa chất xét nghiệm định tính Rubella bằng phương pháp RT-PCR	*Hóa chất xét nghiệm định tính Rubella bằng phương pháp RT-PCR. *Mẫu bệnh phẩm: huyết tương máu ngoại vi hoặc cuống rốn, nước bọt, mẫu phết vòm họng, dịch ối,... *Độ nhạy: ≤ 400 copies/mL *Gen mục tiêu: p150 R.virus gene	Test	100	X
27	Hóa chất xét nghiệm định lượng và phân biệt CMV, EBV, HHV6 bằng phương pháp RT-PCR	*Hóa chất xét nghiệm định lượng và phân biệt CMV, EBV, HHV6 bằng phương pháp RT-PCR. *Mẫu bệnh phẩm: máu ngoại vi/máu cuống rốn, mẫu sinh thiết, dịch não tủy,... *Độ nhạy: • Dịch não tủy: ≤ 400 copies/mL • Máu toàn phần, tế bào bạch cầu, mẫu sinh thiết: ≤ 5 DNA copies/10 ⁵ tế bào *Gen mục tiêu: CMV – MIE, EBV – LMP gene, HHV6 – DNA polymerase catalytic subunit.	Test	1.200	X

DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ

STT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
28	Hóa chất xét nghiệm tách chiết DNA/RNA bằng phương pháp kết tủa	*Hóa chất xét nghiệm tách chiết và tinh sạch DNA/RNA tổng số từ các mẫu lâm sàng. *Mẫu bệnh phẩm: máu toàn phần, huyết tương, huyết thanh, mẫu phết mũi họng, dịch não tủy, dịch ối, tinh dịch... *Phương pháp: ly giải bằng Guanidine Thiocyanate, kết tủa Nucleic Acid bằng 2-Propanol.	Test	15.000	X
29	Hóa chất xét nghiệm định tính Chlamydia Trachomatis, Neisseria gonorrhoeae và Trichomonas Vaginalis bằng phương pháp RT-PCR	*Hóa chất xét nghiệm phát hiện đồng thời Chlamydia Trachomatis, Neisseria gonorrhoeae và Trichomonas Vaginalis bằng phương pháp RT-PCR. *Mẫu bệnh phẩm: Mẫu phết, cặn nước tiểu; dịch tuyến tiền liệt... *Độ nhạy: ≤ 500 copies/mL *Gen mục tiêu: T.vaginalis- DNA repeats for PCR identification; N.gonorrhoeae- 16s rRNA gene; C.Trachomatis- cryptic plasmid.	Test	500	X
30	Hoá chất xét nghiệm định tính kháng thể Anti-HBc	*Hoá chất xét nghiệm định tính kháng thể kháng HBc trong huyết thanh/huyết tương dựa trên phương pháp xét nghiệm miễn dịch enzym hoá phát quang. *Thành phần tối thiểu bao gồm: • Thuốc thử 1: chứa chất đệm phản ứng • Thuốc thử 2: chứa hạt từ tính được bọc bởi kháng nguyên HBc tái tổ hợp • Thuốc thử 3: chứa kháng nguyên HBc tái tổ hợp gắn nhãn ALP	Test	2.400	X
31	Hóa chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm huyết học mức trung bình.	*Hóa chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm huyết học mức trung bình. *Thành phần tối thiểu: bao gồm tế bào RBC, WBC, PLT, NRBC có nguồn gốc từ người được giữ ổn định trong môi trường có chất bảo quản. *Đính kèm bảng giá trị cho 55 thông số báo cáo.	mL	456	X
32	Hóa chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm huyết học mức cao	*Hóa chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm huyết học mức cao. *Thành phần tối thiểu: bao gồm tế bào RBC, WBC, PLT, NRBC có nguồn gốc từ người được giữ ổn định trong môi trường có chất bảo quản. *Đính kèm bảng giá trị cho 55 thông số báo cáo.	mL	456	X
33	Lam kính sử dụng trên máy xét nghiệm huyết học	*Lam kính phù hợp với máy kéo lam tự động. *Độ dày: 0.9 đến 1.2 mm *Kích thước: $76 \times 26 \pm 2$ mm *Khoảng mờ trên lam ≤ 15 mm	Cái	9.000	X
34	Hoá chất rửa kim hút của máy xét nghiệm miễn dịch enzym hóa phát quang	*Hoá chất rửa kim hút phù hợp với máy xét nghiệm miễn dịch enzym hoá phát quang. *Thành phần: Sodium Hypochloride 3.5% *Sau khi mở nắp ổn định trong vòng 30 ngày.	mL	352.500	X

Handwritten signature

DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ					
STT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
35	Đầu côn dùng một lần của máy xét nghiệm miễn dịch enzym hoá phát quang	*Đầu côn dùng một lần sử dụng phù hợp trên máy xét nghiệm miễn dịch enzym hoá phát quang sử dụng chất nền.	Cái	750.000	X
36	Giếng phản ứng của máy xét nghiệm miễn dịch enzym hoá phát quang	*Giếng phản ứng sử dụng phù hợp trên máy xét nghiệm miễn dịch enzym hoá phát quang sử dụng chất nền.	Cái	750.000	X
37	Hóa chất tách chiết virus trong mẫu bệnh phẩm	*Hóa chất tách chiết virus trong mẫu bệnh phẩm sử dụng công nghệ từ. *Làm sạch axit nucleic của virus từ huyết thanh, huyết tương, dịch não tủy hoặc axit nucleic của virus và DNA của vi khuẩn có thể được tinh sạch từ các mẫu hô hấp như tăm bông, hút dịch, đờm, rửa phế quản phế nang, nước tiểu và dịch phết niệu đạo. *Thành phần tối thiểu gồm: Enzyme, Buffer AVE, Carrier RNA... *Cung cấp kèm vật tư, phụ kiện để tách axit nucleic	Test	14.400	X
38	Hoá chất xét nghiệm định lượng FT4	*Hóa chất xét nghiệm định lượng Thyroxine tự do (FT4) trong huyết thanh/huyết tương người dựa trên phương pháp miễn dịch điện hóa phát quang (ECLIA). *Nguyên lý xét nghiệm: nguyên lý cạnh tranh *Khoảng đo: $0,6 \pm 0,1$ đến $99 \pm 0,1$ pmol/L *Quy cách đóng gói: Hộp ≤ 300 test	Test	115.200	X
39	Hóa chất nội kiểm khí máu mức 1	*Hóa chất nội kiểm khí máu mức 1 gồm tối thiểu các thông số sau: Canxi, Chloride, Glucose, Lactate, pCO ₂ , pH, pO ₂ , Potassium, Sodium, Total CO ₂ ... *Dạng lỏng sẵn sàng sử dụng	mL	486	
40	Hóa chất nội kiểm khí máu mức 2	*Hóa chất nội kiểm khí máu mức 2 gồm tối thiểu các thông số sau: Canxi, Chloride, Glucose, Lactate, pCO ₂ , pH, pO ₂ , Potassium, Sodium, Total CO ₂ ... *Dạng lỏng sẵn sàng sử dụng	mL	1.134	
41	Hóa chất nội kiểm khí máu mức 3	*Hóa chất nội kiểm khí máu mức 3 gồm tối thiểu các thông số sau: Canxi, Chloride, Glucose, Lactate, pCO ₂ , pH, pO ₂ , Potassium, Sodium, Total CO ₂ ... *Dạng lỏng sẵn sàng sử dụng	mL	1.134	
42	Hóa chất kiểm chuẩn cho các xét nghiệm miễn dịch mức 1	*Hóa chất kiểm chuẩn cho các xét nghiệm miễn dịch mức 1 bao gồm tối thiểu 71 thông số miễn dịch thường quy, chất chỉ điểm khối u và xét nghiệm miễn dịch đặc biệt. *Dạng lỏng được chế tạo từ huyết thanh người. Nồng độ các chất phân tích được điều chỉnh bằng nhiều loại hóa chất và chế phẩm tinh khiết từ mô người hoặc dịch cơ thể.	mL	75	

DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ

STT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
43	Hóa chất kiểm chuẩn cho các xét nghiệm miễn dịch mức 2	*Hóa chất kiểm chuẩn cho các xét nghiệm miễn dịch mức 2 bao gồm tối thiểu 71 thông số miễn dịch thường quy, chất chỉ điểm khối u và xét nghiệm miễn dịch đặc biệt. *Dạng lỏng được chế tạo từ huyết thanh người. Nồng độ các chất phân tích được điều chỉnh bằng nhiều loại hóa chất và chế phẩm tinh khiết từ mô người hoặc dịch cơ thể.	mL	75	
44	Hóa chất kiểm chuẩn cho các xét nghiệm miễn dịch mức 3	*Hóa chất kiểm chuẩn cho các xét nghiệm miễn dịch mức 3 bao gồm tối thiểu 71 thông số miễn dịch thường quy, chất chỉ điểm khối u và xét nghiệm miễn dịch đặc biệt. *Dạng lỏng được chế tạo từ huyết thanh người. Nồng độ các chất phân tích được điều chỉnh bằng nhiều loại hóa chất và chế phẩm tinh khiết từ mô người hoặc dịch cơ thể.	mL	75	
45	Kim bấm lấy máu chân không, có khóa an toàn	*Kim bấm lấy máu chân không, vô trùng *Kim phủ silicone *Cỡ 23G *Có khóa an toàn	Cái	7.600	
46	Hóa chất rửa hệ thống máy đếm tế bào dòng chảy	*Hóa chất rửa không chứa azide và formaldehyde. *Thành phần chứa enzym hủy protein	mL	11.500	X
47	Hóa chất rửa máy phân tích miễn dịch và máy đếm tế bào dòng chảy	*Hóa chất vệ sinh, khử nhiễm cho các bộ phận của máy phân tích miễn dịch và máy đếm tế bào dòng chảy, là dung dịch màu trắng, trong mờ. *Thành phần: Potassium Hydroxide 1-5%	Lít	9	X
48	Hóa chất ly giải dùng đếm các bạch cầu trung tính, lympho, mono và ưa axit	*Hóa chất ly giải sử dụng kết hợp với thuốc nhuộm để nhuộm tế bào có nhân trong mẫu giúp phân loại bạch cầu. *Thành phần tối thiểu: Organic Quaternary Ammonium Salts; Nonionic Surfactant *Áp suất thẩm thấu: 103 ± 5 (mOsm/kg); pH: 6 ± 0.05	Lít	1.165	X
49	Hóa chất ly giải dùng đếm bạch cầu ưa bazơ	*Hóa chất ly giải sử dụng kết hợp với thuốc nhuộm để phân tích được bạch cầu ưa bazơ và hồng cầu nhân. *Thành phần tối thiểu: Organic Quaternary Ammonium Salts; Nonionic Surfactant *Áp suất thẩm thấu: 29 ± 3 (mOsm/kg); pH: 3 ± 0.05	Lít	1.165	X
50	Hóa chất đo nồng độ Hemoglobin	*Hóa chất trong suốt, không có azide và cyanide, độc tố thấp. *Sử dụng để đo nồng độ Hemoglobin trong máu dựa trên phương pháp SLS-Hb. Có thể đo được các dẫn xuất hemoglobin, deoxyhemoglobin, oxyhemoglobin, carboxyhemoglobin và methemoglobin. *Thành phần tối thiểu: Sodium Lauryl Sulfate	Lít	396	X
51	Hóa chất nhuộm dùng đếm các bạch cầu trung tính, lympho, mono và ưa axit	*Sử dụng để đánh dấu các bạch cầu trong các mẫu máu đã được pha loãng và ly giải nhằm phân loại các thành phần bạch cầu. *Thành phần tối thiểu: Polymethine; Methanol; Ethylene Glycol *Độ hấp thụ: 0.65 ± 0.2	mL	15.624	X

DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ					
STT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
52	Hóa chất nhuộm dùng đếm bạch cầu ura bazơ	*Sử dụng để đánh dấu các tế bào có nhân trong các mẫu máu đã được pha loãng và ly giải để xác định số lượng bạch cầu, số lượng tế bào hồng cầu có nhân và số lượng bạch cầu ái kiềm trong máu. *Thành phần tối thiểu: Polymethine; Ethylene Glycol *Độ hấp thụ: $0,88 \pm 0.4$	mL	14.268	X
53	Hóa chất xét nghiệm 23 kháng thể kháng nhân	*Hóa chất xét nghiệm sàng lọc và định danh đồng thời tối thiểu 23 loại kháng thể kháng nhân và kháng tế bào bằng phương pháp thanh sắc ký miễn dịch: Nucleosomes, dsDNA, histones, SS-A, Ro-52, SS-B, nRNP/Sm, Sm, Mi-2 alpha, Mi-2 beta, Ku, CENP A, CENP B, Sp100, PML, Scl-70, PM-Scl100, PM-Scl75, RP11, RP155, gp210, PCNA, DFS70...	Test	2.160	X
54	Đầu côn 300μL hút hóa chất và mẫu cho các xét nghiệm Elisa	*Đầu côn dẫn điện, hút hóa chất và mẫu dành cho các xét nghiệm Elisa, sử dụng 1 lần *Chất liệu nhựa PP/PE *Thể tích: 300μL *Có thể sử dụng trên máy xét nghiệm Elisa hoàn toàn tự động.	Cái	34.560	X
55	Đầu côn 1100μL hút hóa chất và mẫu cho các xét nghiệm Elisa	*Đầu côn dẫn điện, hút hóa chất và mẫu dành cho các xét nghiệm Elisa, sử dụng 1 lần *Chất liệu nhựa PP/PE *Thể tích: 1100μL *Có thể sử dụng trên máy xét nghiệm Elisa hoàn toàn tự động.	Cái	17.280	X
56	Hóa chất xét nghiệm định tính kháng thể Anti-PLA2R và THSD7A bệnh viêm màng thận nguyên phát	*Hóa chất xét nghiệm định tính kháng thể kháng Phospholipase A2 Receptor (PLA2R) và Thrombospondin Type-1 Domain-Containing Protein 7A (THSD7A) bệnh viêm màng thận nguyên phát dựa trên phương pháp miễn dịch huỳnh quang gián tiếp (IIFT).	Test	450	X
57	Hóa chất xét nghiệm chẩn đoán bệnh viêm da bọt nước tự miễn Pemphigus/Pemphigoid	*Hóa chất xét nghiệm Hóa chất xét nghiệm chẩn đoán bệnh viêm da bọt nước tự miễn Pemphigus/Pemphigoid dựa trên phương pháp miễn dịch huỳnh quang gián tiếp (IIFT).	Test	450	X
58	Hóa chất xét nghiệm phân biệt kháng thể kháng Desmoglein1 và Desmoglein3 chẩn đoán bệnh viêm da bọt nước tự miễn Pemphigus	*Hóa chất xét nghiệm phân biệt kháng thể kháng Desmoglein1 và Desmoglein3 chẩn đoán bệnh viêm da bọt nước tự miễn Pemphigus dựa trên phương pháp miễn dịch huỳnh quang gián tiếp (IIFT).	Test	450	X
59	Hóa chất xét nghiệm định tính kháng thể tự miễn thần kinh Glutamate Receptor (Type NMDA)	*Hóa chất xét nghiệm định tính kháng thể tự miễn thần kinh Glutamate Receptor (Type NMDA) dựa trên phương pháp miễn dịch huỳnh quang gián tiếp (IIFT).	Test	450	X

DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ

STT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
60	Chứng âm sử dụng trong xét nghiệm định danh kháng thể kháng HLA (Human Leukocyte Antigen)	*Chứng âm sử dụng trong xét nghiệm định danh kháng thể kháng HLA (Human Leukocyte Antigen)	Test	200	X
61	Hóa chất xử lý mẫu cho máy xét nghiệm HLA (Human Leukocyte Antigen)	*Hóa chất xử lý mẫu cho máy xét nghiệm HLA (Human Leukocyte Antigen)	Test	100	X
62	Hóa chất xét nghiệm định lượng Elastase tụy	*Hóa chất xét nghiệm định lượng Elastase tụy có trong mẫu phân người dựa trên phương pháp miễn dịch hóa phát quang (CLIA). *Đã tích hợp hóa chất hiệu chuẩn *Giới hạn phát hiện (LoD): $\leq 0.13 \mu\text{g/g}$ *Giới hạn định lượng (LoQ): $\leq 0.22 \mu\text{g/g}$	Test	200	X
63	Hóa chất kiểm chuẩn xét nghiệm Elastase tụy	*Hóa chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm Elastase tụy. *Gồm tối thiểu 2 mức nồng độ cao và thấp ở dạng bột đông khô.	mL	12	X
64	Hóa chất xét nghiệm định lượng và định tính Human Anti Smooth Muscle Antibody	*Hóa chất xét nghiệm định lượng và định tính Human Anti Smooth Muscle Antibody dựa trên phương pháp ELISA.	Test	480	X
65	Hóa chất nội kiểm xét nghiệm tim mạch mức thấp	*Hóa chất nội kiểm cho xét nghiệm tim mạch, mức thấp. *Thành phần: dịch, huyết thanh người *Có tối thiểu 4 mức nồng độ Troponin, theo dõi được các thông số BNP và NT-proBNP, có giá trị tham chiếu cho hs-CRP.	mL	36	
66	Hóa chất nội kiểm xét nghiệm huyết học mức thấp	*Hóa chất nội kiểm cho xét nghiệm huyết học, mức thấp. *Thành phần: tế bào máu *Có giá trị tham chiếu trên máy phân tích huyết học ≥ 16 thông số và ≥ 3 thành phần bạch cầu. *Có thể sử dụng bằng phương pháp hút mẫu thủ công hoặc trên thiết bị hút mẫu xuyên nắp tự động.	mL	36	
67	Hóa chất nội kiểm xét nghiệm huyết học mức bình thường	*Hóa chất nội kiểm cho xét nghiệm huyết học, mức bình thường. *Thành phần: tế bào máu *Có giá trị tham chiếu trên máy phân tích huyết học ≥ 16 thông số và ≥ 3 thành phần bạch cầu. *Có thể sử dụng bằng phương pháp hút mẫu thủ công hoặc trên thiết bị hút mẫu xuyên nắp tự động.	mL	36	

DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ					
STT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
68	Hóa chất nội kiểm xét nghiệm huyết học mức cao	*Hóa chất nội kiểm cho xét nghiệm huyết học, mức cao. *Thành phần: tế bào máu *Có giá trị tham chiếu trên máy phân tích huyết học ≥ 16 thông số và ≥ 3 thành phần bạch cầu. *Có thể sử dụng bằng phương pháp hút mẫu thủ công hoặc trên thiết bị hút mẫu xuyên nắp tự động.	mL	36	
69	Hóa chất xét nghiệm định lượng HSV	*Hóa chất xét nghiệm định lượng DNA của HSV 1 và 2 trong dịch não tủy/huyết tương bằng phương pháp khuếch đại axit nucleic.	Test	120	X
70	Hóa chất xét nghiệm phát hiện Haemophilus Influenzae, Streptococcus Pneumoniae và Neisseria Meningitidis bằng phương pháp RT-PCR	*Hóa chất xét nghiệm phát hiện và phân biệt vi khuẩn Haemophilus Influenzae, Streptococcus Pneumoniae và Neisseria Meningitidis gây viêm phổi, viêm màng não và nhiễm trùng huyết bằng phương pháp RT-PCR. *Nguồn mẫu: dịch não tủy *Độ nhạy: $\leq 10^3$ GE/mL	Test	150	X
71	Hóa chất xét nghiệm định lượng và định tính Pseudomonas Aeruginosa bằng phương pháp RT-PCR	*Hóa chất xét nghiệm định lượng và định tính Pseudomonas Aeruginosa bằng phương pháp RT-PCR *Nguồn mẫu: DNA tách chiết từ mẫu đàm, mẫu phết hầu họng, dịch rửa phế quản, mẫu phết và mẫu huyết tương... *Độ nhạy: ≤ 500 copies/mL	Test	150	X
72	Hóa chất xét nghiệm định lượng Staphylococcus Aureus kháng Methicillin (MRSA) bằng phương pháp RT-PCR	*Hóa chất xét nghiệm định lượng Staphylococcus Aureus kháng Methicillin (MRSA) bằng phương pháp RT-PCR. *Nguồn mẫu: huyết tương, đờm, dịch rửa phế quản, mẫu mô, mẫu phết... *Độ nhạy: ≤ 400 copies/mL *Khoảng định lượng: 800 ± 1 đến $10^7 \pm 10$ copies/mL.	Test	200	X
73	Hóa chất xét nghiệm định lượng β -Amyloid (1-42)	*Hóa chất xét nghiệm định lượng nồng độ protein β -Amyloid (1-42) trong dịch não tủy người dựa trên phương pháp miễn dịch hóa phát quang (ECLIA). *Nguyên lý xét nghiệm: nguyên lý bắt cặp *Khoảng đo: 150 - 2.500 pg/mL	Test	500	X
74	Hóa chất kiểm chuẩn xét nghiệm β -Amyloid (1-42)	*Hóa chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm β -Amyloid (1-42) *Gồm tối thiểu 2 mức nồng độ	mL	6	X
75	Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm β -Amyloid (1-42)	*Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm β -Amyloid (1-42) *Gồm tối thiểu 2 mức nồng độ	mL	4	X
76	Hóa chất xét nghiệm định lượng Protein Tau toàn phần	*Hóa chất xét nghiệm định lượng Protein Tau toàn phần trong dịch não tủy người dựa trên phương pháp miễn dịch hóa phát quang (ECLIA) *Nguyên lý xét nghiệm: nguyên lý bắt cặp *Khoảng đo: 80 - 1.300 pg/mL	Test	500	X

DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ					
STT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
77	Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm Protein Tau toàn phần	*Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm Protein Tau toàn phần *Gồm tối thiểu 2 mức nồng độ	mL	8	X
78	Hóa chất kiểm chuẩn xét nghiệm Protein Tau toàn phần	*Hóa chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm Protein Tau toàn phần *Gồm tối thiểu 2 mức nồng độ	mL	6	X
79	Hóa chất xét nghiệm định lượng Phospho - Tau (181P)	*Hóa chất xét nghiệm định lượng Protein Tau Phosphoryl hóa trong dịch não tủy người dựa trên phương pháp miễn dịch hóa phát quang (ECLIA) *Nguyên lý xét nghiệm: nguyên lý bắt cặp *Khoảng đo: 8 - 120 pg/mL	Test	500	X
80	Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm Phospho - Tau (181P)	*Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm Phospho - Tau (181P) *Gồm tối thiểu 2 mức nồng độ	mL	4	X
81	Hóa chất kiểm chuẩn xét nghiệm Phospho - Tau (181P)	*Hóa chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm Phospho - Tau (181P) *Gồm tối thiểu 2 mức nồng độ	mL	6	X
82	Hóa chất xét nghiệm phân biệt Chlamydia Trachomatis, Ureaplasma Urealyticum và Neisseria Gonorrhoeae bằng công nghệ POCT	*Hóa chất xét nghiệm phân biệt Chlamydia Trachomatis, Ureaplasma Urealyticum và Neisseria Gonorrhoeae bằng công nghệ POCT. *Nguồn mẫu: mẫu gạc hậu môn hay mẫu gạc đường sinh dục. * Độ nhạy: ≤ 400 copies/mL	Test	240	X
83	Hóa chất xét nghiệm định tính Group B Streptococcus bằng công nghệ POCT	*Hóa chất xét nghiệm định tính Group B Streptococcus bằng công nghệ POCT. *Nguồn mẫu: mẫu gạc hậu môn hay mẫu gạc đường sinh dục. * Độ nhạy: ≤ 500 copies/mL	Test	156	X
84	Hóa chất xét nghiệm phân biệt 6 tác nhân gây viêm đường hô hấp trên bằng công nghệ POCT	*Hóa chất xét nghiệm phân biệt 6 tác nhân gây viêm đường hô hấp bằng công nghệ POCT. *Phân biệt 6 tác nhân gây viêm đường hô hấp: Influenza A Virus, Influenza B Virus, Respiratory Syncytial Virus, Adenovirus, Human Rhinovirus, Mycoplasma Pneumonia. *Nguồn mẫu: dịch nuôi cấy vi khuẩn, đờm, dịch rửa phế nang và các loại mẫu khác	Test	432	X
85	Hóa chất xét nghiệm định lượng HBV bằng phương pháp RT-PCR	*Hóa chất xét nghiệm định lượng HBV bằng phương pháp RT-PCR trong huyết thanh/huyết tương. *Khoảng tuyến tính: 20 ± 0.02 đến $2 \times 10^6 \pm 2000$ IU/mL *Độ nhạy: ≤ 5 IU/mL *Cung cấp bao gồm tách chiết	Test	720	X

DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ					
STT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
86	Hóa chất xét nghiệm định lượng HCV bằng phương pháp RT-PCR	*Hóa chất xét nghiệm định lượng HCV bằng phương pháp RT-PCR trong huyết thanh/huyết tương. *Khoảng tuyến tính: 25 ± 0.02 đến $100.000.000 \pm 2000$ IU/mL *Độ nhạy: ≤ 12 IU/mL *Cung cấp bao gồm tách chiết	Test	120	X
87	Dầu soi kính hiển vi	*Dung dịch dầu lỏng soi kính hiển vi, trong suốt *Quy cách: Chai ≤ 500 mL	mL	2.500	
88	Thuốc nhuộm Wright	*Thuốc nhuộm huyết học giúp phân biệt các loại tế bào máu *Quy cách: Chai ≥ 500 mL	mL	1.000	
89	Hóa chất Methanol	*Dung môi Methanol tinh khiết, dùng để cố định lam trên máy kéo lam tự động *Quy cách: Chai ≥ 500 mL	mL	75.000	X
90	Hóa chất N-acetyl L – cysteine dạng rắn	*Dạng rắn, độ tinh khiết $\geq 99\%$ *Là hóa chất thuần nhất và loại trừ tạp nhiễm cho mẫu đàm *Quy cách: Chai ≥ 25 g	Gram	50	X
91	Hóa chất PBS 1X	*Dung dịch đệm muối phosphate, dùng để vận chuyển và bảo quản mẫu tế bào cho xét nghiệm sinh học phân tử. *Quy cách: Chai ≥ 500 mL	mL	6.500	X
92	Hóa chất rửa tế bào Lymphocyte B trong xét nghiệm độ chéo	*Hóa chất tách tế bào lympho B khỏi máu bằng các sử dụng thanh từ. *Thành phần tối thiểu gồm: Axit Citric, Na3 Citrate, PBS	mL	1.500	X
93	Chứng dương kháng thể IgG kháng Lymphocyte trong xét nghiệm độ chéo	*Bộ chứng Anti Lymphocyte loại IgG sử dụng trong xét nghiệm độ chéo trong ghép tạng. *Dùng để phát hiện khả năng phản ứng bỏ thể *Chất chứng kháng tế bào lympho là các kháng thể đơn dòng có khả năng gây độc tế bào mạnh đối với tế bào lympho ở người và không có phản ứng chống lại bạch cầu hạt, bạch cầu đơn nhân, tiểu cầu và hồng cầu	mL	7	X
94	Chứng dương kháng thể IgM kháng Lymphocyte trong xét nghiệm độ chéo	*Bộ chứng Anti Lymphocyte loại IgM sử dụng trong xét nghiệm độ chéo trong ghép tạng. *Dùng để phát hiện khả năng phản ứng bỏ thể *Chất chứng kháng tế bào lympho là các kháng thể đơn dòng có khả năng gây độc tế bào mạnh đối với tế bào lympho ở người và không có phản ứng chống lại bạch cầu hạt, bạch cầu đơn nhân, tiểu cầu và hồng cầu	mL	7	X

DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ

STT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
95	Chứng dương kháng thể IgG kháng Lymphocyte T cho xét nghiệm độ chéo	*Bộ chứng Anti T Lymphocyte loại IgG sử dụng trong xét nghiệm độ chéo trong ghép tạng. *Bộ chứng tế bào lympho kháng T được sử dụng để xác định độ tinh khiết của tế bào lympho T. *Chất kiểm soát tế bào lympho chống T là các kháng thể đơn dòng có khả năng gây độc tế bào mạnh đối với tế bào lympho T mà không có phản ứng chống lại bạch cầu hạt, bạch cầu đơn nhân, tế bào lympho B, tiểu cầu và hồng cầu.	mL	7	X
96	Chứng dương kháng thể IgM kháng Lymphocyte T cho xét nghiệm độ chéo	*Bộ chứng Anti T Lymphocyte loại IgM sử dụng trong xét nghiệm độ chéo trong ghép tạng. *Bộ chứng tế bào lympho kháng T được sử dụng để xác định độ tinh khiết của tế bào lympho T. *Chất kiểm soát tế bào lympho chống T là các kháng thể đơn dòng có khả năng gây độc tế bào mạnh đối với tế bào lympho T mà không có phản ứng chống lại bạch cầu hạt, bạch cầu đơn nhân, tế bào lympho B, tiểu cầu và hồng cầu.	mL	7	X
97	Chứng dương kháng thể IgM kháng Lymphocyte B cho xét nghiệm độ chéo	*Bộ chứng Anti B Lymphocyte loại IgM sử dụng trong xét nghiệm độ chéo trong ghép tạng. *Bộ chứng được sử dụng để xác định độ tinh khiết của tế bào lympho B. *Chất kiểm soát tế bào lympho chống B là các kháng thể đơn dòng có khả năng gây độc tế bào mạnh đối với tế bào lympho B mà không có phản ứng chống lại bạch cầu hạt, tế bào lympho T, tiểu cầu, bạch cầu đơn nhân và hồng cầu	mL	7	X
98	Chứng dương kháng thể IgG kháng Lymphocyte B cho xét nghiệm độ chéo	*Bộ chứng Anti B Lymphocyte loại IgG sử dụng trong xét nghiệm độ chéo trong ghép tạng. *Bộ chứng tế bào kháng B được sử dụng để xác định độ tinh khiết của tế bào lympho B. *Chất kiểm soát tế bào lympho chống B là các kháng thể đơn dòng có khả năng gây độc tế bào mạnh đối với tế bào lympho B mà không có phản ứng chống lại bạch cầu hạt, tế bào lympho T, tiểu cầu, bạch cầu đơn nhân và hồng cầu	mL	7	X
99	Thuốc nhuộm huỳnh quang Acridine Orange và Ethidium Bromide	*Thuốc nhuộm huỳnh quang và cố định tế bào lympho. *Thành phần tối thiểu gồm hỗn hợp thuốc thử để tạo điều kiện thuận lợi cho các tế bào đánh giá dưới kính hiển vi và kéo dài thời gian lưu trữ. *Được sử dụng trong xét nghiệm độ chéo trong ghép tạng.	mL	1.000	X

DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ					
STT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
100	Hóa chất phân lập tế bào lympho T	*Hóa chất phân lập tế bào lympho T khỏi máu bằng cách sử dụng thanh từ, sử dụng trong các xét nghiệm độc tế bào bằng thuốc nhuộm huỳnh quang *Sử dụng trong xét nghiệm độ chéo trong ghép tạng *Hạt từ tính miễn dịch có đường kính nhỏ hơn 1 micron *Các kháng thể đơn dòng kháng CD2 kết hợp với bề mặt hạt liên kết đặc hiệu với thụ thể E-rosette trên tế bào lympho T *Kháng thể đơn dòng có nguồn gốc từ chuột, lơ lửng trong PBS với chất ổn định và Natri azide làm chất bảo quản *Hiệu suất phân lập hơn 90% tế bào T CD2+ trong 1 ml máu toàn phần *Mỗi lọ thực hiện ≥ 25 phản ứng	Lọ	15	X
101	Hóa chất phân lập tế bào lympho B	*Hóa chất phân lập tế bào lympho B bằng cách sử dụng thanh từ. *Sử dụng trong xét nghiệm độ chéo trong ghép tạng. *Có các hạt siêu thuận từ được kết hợp với kháng thể đơn dòng kháng CD19 và lơ lửng trong BSA/PBS với NaN₃ làm chất bảo quản. *Kháng thể đơn dòng có nguồn gốc từ chuột. *Hiệu suất phân lập hơn 90% tế bào CD19+ B trong lớp đệm từ 10 ml máu toàn phần. *Mỗi lọ thực hiện ≥ 25 phản ứng	Lọ	15	X
102	Bộ thể thử lớp 1 dùng trong xét nghiệm độ chéo	*Sử dụng trong các xét nghiệm độc tế bào phụ thuộc bộ thể để xác định kháng nguyên bề mặt tế bào HLA Lớp I. *Thành phần tối thiểu gồm có: bộ thể thử lớp I, HLA-A,B,C đông khô cho xét nghiệm độ chéo trong ghép tạng.	mL	45	X
103	Bộ thể thử lớp 2 dùng trong xét nghiệm độ chéo	*Sử dụng trong các xét nghiệm độc tế bào phụ thuộc bộ thể để xác định kháng nguyên bề mặt tế bào HLA Lớp II. *Thành phần tối thiểu gồm có: bộ thể thử lớp II, HLA-A,B,C đông khô cho xét nghiệm độ chéo trong ghép tạng.	mL	45	X
104	Chứng âm cho xét nghiệm độ chéo	*Được sử dụng để xác định sự chết của tế bào nền. *Là huyết thanh người từ những người hiến tặng nam giới chưa từng truyền máu có nhóm máu AB âm tính.	mL	7	X
105	Hóa chất ổn định tế bào Phosphate Buffered Saline cho xét nghiệm độ chéo	*Hóa chất ổn định tế bào, pH 7.2. *Thành phần tối thiểu gồm: Sodium chloride và sodium phosphate *Dạng viên nén.	Viên	200	X
106	Hóa chất phục hồi tế bào lympho sống cho xét nghiệm độ chéo	*Thành phần bao gồm Polysucrose và Sodium Diatrizoate, được điều chỉnh đến nồng độ 1,077g/mL. *Được sử dụng cho phân lập các tế bào đơn nhân máu ngoại vi và tế bào đơn nhân tủy xương; phân lập tế bào lympho người. *Đã được lọc vô trùng, thử nghiệm nội độc tố Endotoxin. *Dùng trong nghiên cứu, thử nghiệm huyết, mô học.	mL	3.800	X

DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ					
STT	Tên danh mục mời chào giá	Đặc tính kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất
107	Khay Terasaki cho xét nghiệm độ chéo	*Khay Terasaki cho xét nghiệm độ chéo *Khay tối thiểu 72 giếng.	Khay	600	X
108	Hóa chất xét nghiệm định lượng Cholesterol	*Hóa chất xét nghiệm định lượng Cholesterol trong huyết thanh/huyết tương người *Phương pháp: enzym, đo màu *Khoảng đo: 0.1 - 20.7 mmol/L	Test	5.600	X
109	Hóa chất kiểm chuẩn các xét nghiệm hóa sinh mức thấp	*Hóa chất kiểm chuẩn các xét nghiệm hóa sinh mức thấp. *Là mẫu chứng đông khô lấy từ huyết thanh người dùng kiểm tra độ đúng và độ chính xác của các phương pháp định lượng sau: ALT (GPT); AST (GOT); Aldolase; Alkaline Phosphatase; Amylase toàn phần; Amylase tụy; Creatine kinase; CK-MB; GLDH; LDH; Lipase; Acid phosphatase; ASLO; CRP; Transferrin; Ferritin.	mL	100	X
110	Hóa chất kiểm chuẩn các xét nghiệm hóa sinh mức cao	*Hóa chất kiểm chuẩn các xét nghiệm hóa sinh mức cao. *Là mẫu chứng đông khô lấy từ huyết thanh người dùng kiểm tra độ đúng và độ chính xác của các phương pháp định lượng sau: ALT (GPT); AST (GOT); Aldolase; Alkaline Phosphatase; Amylase toàn phần; Amylase tụy; Creatine kinase; CK-MB; GLDH; LDH; Lipase; Acid phosphatase; ASLO; CRP; Transferrin; Ferritin.	mL	100	X

Yêu cầu về cung cấp thiết bị hỗ trợ sử dụng hóa chất: Nhà thầu (hoặc bên thứ ba có thỏa thuận với nhà thầu) cung cấp đầy đủ dụng cụ, thiết bị hỗ trợ để thực hiện các dịch vụ kỹ thuật, bao gồm cả hóa chất, vật tư để thẩm định trước khi đưa vào sử dụng và tập huấn sử dụng, chuyển giao kỹ thuật liên quan đến hàng hóa trúng thầu khi sử dụng theo yêu cầu của Chủ đầu tư và có đầy đủ tài liệu pháp lý của dụng cụ, thiết bị hỗ trợ (nếu có) để đưa vào sử dụng tại Bệnh viện.

Phan